

Số: 4/58/UBND-KT

Bình Định, ngày 13 tháng 7 năm 2019

V/v xây dựng nội dung nhiệm vụ “Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030”.

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện Văn bản số 3123/BTNMT-TCBHĐVN ngày 28/6/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng nội dung nhiệm vụ “Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030”; UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo như sau:

I. Đánh giá tình hình và hiện trạng công tác hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Bình Định

Về phát triển du lịch, hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng và quảng bá xúc tiến đầu tư du lịch vùng biển, hải đảo từng bước được chú trọng đã tạo ra môi trường để thu hút đầu tư.

Các lực lượng chức năng đã phối hợp trong tham gia đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn đường thủy nội địa, chống buôn lậu, tổ chức cứu hộ cứu nạn khi tàu thuyền, thuyền viên nước ngoài gặp nạn trên biển Việt Nam...

Tuy nhiên việc kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư nhằm phát triển kinh tế biển, nghiên cứu khoa học, bảo vệ tài nguyên môi trường biển vẫn còn nhiều hạn chế. Du lịch biển phát triển còn chậm, hiệu quả chưa cao. Việc nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới, nhân rộng các mô hình có hiệu quả trong sản xuất thủy sản còn chậm. Hiện tượng xói lở, lũ lụt, hạn hán và xâm nhập mặn đang có cường độ mạnh hơn.

II. Đề xuất quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để đưa vào Đề án.

1. Quan điểm hợp tác quốc tế về biển

Hợp tác quốc tế về biển phải đặt trong tổng thể Chiến lược, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, phù hợp với đường lối và chính sách đối ngoại của Việt Nam, đó là nhằm xây dựng vùng biển hòa bình, hợp tác, hữu nghị cùng phát triển trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi và tôn trọng pháp luật Việt Nam và các chuẩn mực chung của luật pháp quốc tế.

Hợp tác quốc tế về biển phải có trọng tâm nhằm phát huy được tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; nắm bắt được những cơ hội phát triển của tỉnh ở trong nước và khu vực; khai thác biển có hiệu quả và phát triển bền vững biển.

Hợp tác quốc tế về biển để chủ động hội nhập, khẳng định vị thế của một tỉnh ven biển; cùng với các tỉnh trong cả nước thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của Việt Nam đối với việc tham gia các tổ chức quốc tế và điều ước quốc tế.

2. Mục tiêu hợp tác quốc tế về biển

a) Mục tiêu tổng quát

Hợp tác quốc tế về biển nhằm góp phần thực hiện thắng lợi những mục tiêu của Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Phấn đấu đưa Bình Định trở thành địa phương mạnh về biển của vùng Nam Trung Bộ; đạt cơ bản tiêu chí quốc gia về phát triển bền vững kinh tế biển; bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa biển và hình thành văn hóa sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển, biển xâm thực; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng trên địa bàn tỉnh. Ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại trong phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể

- *Về kinh tế - xã hội biển*: Thu hút các nguồn lực đầu tư từ bên ngoài (các tổ chức tài chính – kinh tế quốc tế; nhà nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài) để phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh của biển, nâng cao thu nhập, đời sống cho ngư dân ven biển, xây dựng và hoàn thiện hệ thống các công trình kết cấu hạ tầng biển và ven biển trọng điểm (cảng biển, đường ven biển, khu kinh tế ven biển và đảo).

- *Về khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển*: Chú trọng đầu tư, áp dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong quản lý biển và phát triển kinh tế - xã hội vùng biển đảo của tỉnh. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu quản lý và phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

- *Về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng*: Đánh giá được tiềm năng, giá trị các tài nguyên biển quan trọng, ngăn ngừa, kiểm soát có hiệu quả ô nhiễm môi trường biển, ven bờ đối với các huyện ven biển và xã đảo Nhơn Châu. Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái vùng biển, ven bờ và hải đảo của tỉnh.

Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, tác động triều cường làm sạt lở bờ biển, quan trắc, giám sát môi trường biển, vùng bờ, biến đổi khí hậu, nước biển dâng đáp ứng được yêu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Đề xuất các nhiệm vụ xây dựng đề án Hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 (Phụ lục 1)

3.2. Giải pháp

a) Về quản lý biển và đại dương, quản lý tổng hợp vùng ven biển

Tăng cường hợp tác trong nghiên cứu khoa học vùng biển, đảo. Mở rộng hợp tác quốc tế để phát triển và hoàn thiện hệ thống quan trắc tài nguyên môi trường biển phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về biển.

Tiếp tục triển khai hợp tác quốc tế trong đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý về biển và hải đảo

b) Về phát triển kinh tế biển, ven biển

- Du lịch biển:

Phát triển du lịch, dịch vụ biển, đảo phải trở thành một trong những ngành kinh tế chủ lực của kinh tế biển. Phát huy tối đa các ưu thế và nguồn lực bên trong, tranh thủ hợp tác với bên ngoài để phát triển tổng hợp du lịch biển có chất lượng và uy tín cao trên thị trường du lịch trong nước và quốc tế.

- Kinh tế hàng hải

Thu hút đầu tư hệ thống cảng biển và phát triển dịch vụ vận tải biển. Phát triển hợp lý các ngành sửa chữa đóng tàu, công nghiệp phụ trợ.

- Nuôi trồng và khai thác hải sản

Chuyển mạnh từ nuôi trồng, khai thác hải sản theo phương thức truyền thống sang công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn hải sản quốc tế; hợp tác với nước ngoài đầu tư công nghệ hiện đại để phát hiện ngư trường phục vụ trực tiếp cho việc đánh bắt có hiệu quả. Giảm thiểu đánh bắt ven bờ, tập trung đánh bắt xa bờ, đánh bắt ở vùng biển quốc tế theo hình thức tự lực hoặc liên doanh với nước ngoài.

- Công nghiệp ven biển

Tập trung nguồn lực để phát triển công nghiệp ven biển của tỉnh thành khu vực phát triển năng động, làm động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của cả tỉnh.

- Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới:

Thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác. Quan tâm phát triển một số ngành kinh tế dựa vào khai thác tài nguyên đa dạng sinh học biển như dược liệu biển; nuôi trồng, chế biến rong, tảo biển... Chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để sẵn sàng tham gia các dịch vụ phụ trợ cho sản xuất năng lượng tái tạo trên địa bàn.

c) Về nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển

Tăng cường hợp tác nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cộng đồng dân cư ven biển; xây dựng văn hóa vùng biển đảo hội nhập quốc tế, thân thiện với môi trường biển, đảm bảo phát triển bền vững.

d) Phát triển nguồn nhân lực và khoa học, công nghệ biển

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế đào tạo lực lượng cán bộ về khoa học – công nghệ biển cũng như cán bộ phục vụ phát triển các ngành nghề kinh tế biển, điều tra cơ bản biển, ưu tiên gắn kết đào tạo với hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển. Hình thành đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước có trình độ cao về các ngành, lĩnh vực biển.

- Phát triển khoa học – công nghệ biển: tập trung ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao phục vụ trực tiếp công tác điều tra tài nguyên môi trường biển, đánh giá tiềm năng kinh tế của vùng biển và ven bờ, phục vụ nghiên cứu khoa học, bảo vệ quốc phòng, an ninh trên biển.

e) Về đảm bảo quốc phòng, an ninh trên biển

Củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân vùng biển. Xây dựng lực lượng vũ trang, trong đó chú trọng xây dựng lực lượng dân quân biển vững mạnh, có số lượng hợp lý, có chất lượng cao. Đồng thời, từng bước đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng trên các khu vực trọng yếu, tuyến biên, đảo. Chỉ đạo các đơn vị tăng cường công tác nắm tình hình, chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện, sẵn sàng tham gia đấu tranh với các hoạt động xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán các vùng biển Việt Nam

III. Góp ý dự thảo Đề cương Đề án tại Phụ lục 2:

Đồng ý với dự thảo đề cương Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tuy nhiên đề nghị Bộ TNMT xem xét, điều chỉnh mục III 3 a) *Về quản trị biển và đại dương, quản lý vùng bờ* thành *Về quản lý biển và hải đảo, quản lý tổng hợp vùng bờ* để phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP KT;
- Chi cục BHD;
- Lưu: VT, K13 (12b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu

Phụ lục: 01

DANH MỤC NHIỆM VỤ

ĐỀ ÁN HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Công văn số 4158/UBND-KT ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung	Sản phẩm chính	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định	Kết nối với đường ven biển quốc gia; phát triển bền vững kinh tế biển; ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.	Lập thủ tục chuẩn bị đầu tư và chuẩn bị xây dựng trình cấp thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thi công xây dựng.	Xây dựng đường ven biển đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng, tổng chiều dài L = 130 km.	2019 - 2030	Sở Giao thông vận tải; Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện.	
2	Dự án “Thành lập mới Khu Bảo vệ cảnh quan biển Quy Nhơn cấp tỉnh	- Bảo tồn và phát triển được các rạn san hô, các loài đặc hữu và quý hiếm tại các hòn và đảo Cù Lao Xanh xung quanh biển Quy Nhơn; - Bảo tồn và phát triển cảnh quan của khu vực xung quanh các hòn và đảo phục vụ cho du lịch và đánh bắt, nuôi trồng hải sản;	- Thành lập mới Khu Bảo vệ cảnh quan biển Quy Nhơn cấp tỉnh. Phạm vi ranh giới thuộc 04 khu vực của các xã Nhơn Lý, Nhơn Hải, Ghềnh Ráng và Nhơn Châu (Cù Lao Xanh), - Xây dựng kế hoạch phục hồi san hô và quản lý tài nguyên biển; - Xây dựng mô hình quản lý cộng đồng, quản lý nguồn lợi san hô và các thủy sản có giá trị kinh tế cao; hướng dẫn người dân kỹ thuật nuôi trồng	- Thành lập Ban Quản lý Khu bảo tồn biển; - Xây dựng cơ chế, chính sách quản lý khu bảo tồn.	2026-2030	Sở Nông nghiệp & phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Quy Nhơn	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung	Sản phẩm chính	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (tỷ đồng)
		- Tạo tuyến du lịch, tham quan giữa các vùng.	san hồ, loài thủy sản và khai thác hợp lý; - Hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng dân cư sống xung quanh khu bảo tồn; - Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về giá trị tài nguyên biển và BVTM; - Tổ chức tuần tra, giám sát khu vực được ưu tiên bảo vệ.					
3	Nghiên cứu, điều tra, kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định	- Xác định các nguồn thải trực tiếp ra vùng ven biển; - Đề xuất giải pháp kiểm soát nguồn thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường biển.	- Tiến hành khảo sát, điều tra, đánh giá nguồn thải trực tiếp ra biển; - Phân loại nguồn thải; - Xây dựng báo cáo đánh giá chất lượng môi trường vùng ven biển; - Đề xuất triển khai các giải pháp kiểm soát nguồn thải góp phần bảo vệ tài nguyên môi trường.	Báo cáo tổng hợp và các báo cáo chuyên đề.	2020 - 2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND các huyện, thành phố ven biển.	
4	Dự án Cảng cá và khu neo đậu trú bão Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Xây dựng cảng cá kết hợp nạo vét luồng dân và khu neo đậu tàu thuyền bảo đảm			2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Nội dung	Sản phẩm chính	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (tỷ đồng)
		neo đậu 2.000 tàu từ 400 - 1.000 CV.						
5	Dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền đầm Đề Gi	Phục vụ neo đậu cho 2.000 tàu từ 1.000 CV trở xuống.			2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và PNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
6	Dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến - Đề Gi và đoạn Đề Gi - Mỹ An	Phát triển bền vững kinh tế biển; ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.	Lập thủ tục chuẩn bị đầu tư và chuẩn bị xây dựng trình cấp thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thi công xây dựng đoạn Cát Tiến - Đề Gi và Đề Gi - Mỹ An.	Xây dựng trước hai đoạn thuộc đường ven biển đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng, chiều dài L = 45 km.	2019 - 2025	Sở Giao thông vận tải; Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện.	
7	Nhiệm vụ Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ vùng biển trong thêm lục địa của tỉnh Bình Định phục vụ quy hoạch khu vực đánh bắt, nuôi trồng, thu hút đầu tư phát triển du lịch biển gắn với phát triển bền vững	- Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch vùng nuôi trồng, vùng khai thác thủy sản đảm bảo phát triển bền vững; - Xây dựng cơ sở dữ liệu vùng biển thu hút đầu tư về phát triển du lịch biển.	- Điều tra, thu thập thông tin về địa hình thêm lục địa vùng biển của tỉnh Bình Định; - Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS quy hoạch vùng nuôi trồng, vùng khai thác thủy sản đảm bảo phát triển bền vững; - Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS vùng biển thu hút đầu tư về phát triển du lịch biển.	- Bộ cơ sở dữ liệu GIS về vùng biển của tỉnh Bình Định; - Bộ công cụ thiết lập trên nền tảng Web và GIS tra cứu trực tuyến các vùng biển cần phát triển với các nhu cầu khác nhau nhằm đảm bảo phát triển bền vững.	2019 - 2022	Viện Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ - Trường Đại học Quy Nhơn.	Viện Hải dương học Nha Trang	Cấp nhà nước